TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 481/2025/DS-ST
Ngày 16-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Thanh Thùy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hồng Lài.

Bà Hoàng Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Kim Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 178/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 215/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Trụ sở: Đường N, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Gia T; địa chỉ: đường N, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh); là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 11/11/2024) (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thúy V (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là ấp E, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2024 và lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Trần Gia T thì:

Ngày 09/11/2018, bà Hoàng Thúy V ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi chung là Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/11/2018). Căn cứ vào thu nhập của bà V, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã đồng ý cấp cho bà V thẻ tín dụng Visa Platinum số 436438-6588 với hạn mức sử dụng là 37.000.000đ (ba mươi bảy triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 355.751.414 (ba trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn bốn trăm mười bốn đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà V đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 342.089.772đ (ba trăm bốn mươi hai triệu không trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi hai đồng), thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Do bà V vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S), Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà V không có thiện chí trả nợ nên ngày 06/9/2022 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà V và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 39.724.206đ (ba mươi chín triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm lẻ sáu đồng) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S) và áp dụng lãi suất nợ quá hạn tính trên nợ gốc – số nợ quá hạn nêu trên (bằng 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn 2.4%) là 3.6%/tháng.

Tính đến ngày 16/9/2025, bà V còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S các khoản sau: Nợ gốc là 39.724.206đ (ba mươi chín triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm lẻ sáu đồng), lãi quá hạn là 52.769.583đ (năm mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm tám mươi ba đồng), tổng cộng là 92.493.789đ (chín mươi hai triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng).

Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà V phải thanh toán ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền còn thiếu của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/11/2018 tính đến ngày 16/9/2025 là 92.493.789đ (chín mươi hai triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng), gồm nợ gốc là 39.724.206đ (ba mươi chín triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm lẻ sáu đồng), lãi quá hạn là 52.769.583đ (năm mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm tám mươi ba đồng) và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/9/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn – bà Hoàng Thúy V đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Theo kết quả xác minh của Công an xã L, huyện Đ, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 57/TAHBC ngày 07/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng cư trú của đương sự thì bà Hoàng Thúy V có đăng ký thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ Ấp C, xã L, huyện Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là ấp E, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Trần Gia T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt Ông.

Bị đơn – bà Hoàng Thúy V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2025. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2025. Nguyên đơn đã thực hiện đầy dủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2025. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2025.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Về án phí: Bà V phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thúy V trả số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/11/2018. Căn cứ kết quả xác minh của Công an xã L, huyện Đ, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 57/TAHBC ngày 07/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng cư trú của đương sự thì bà V có đăng ký thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ Ấp C, xã L, huyện Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là ấp E, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2025 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2025; điểm đ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện

thẩm quyền của Tòa án nhân dân thì quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Trần Gia T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn – bà V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2025, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc:

[3.1.1] Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/11/2018 (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/11/2018, Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S) có chữ ký xác nhận của bà Hoàng Thúy V và đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần S nên có cơ sở xác định ngày 09/11/2018 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã cấp thẻ tín dụng cho bà V với hạn mức sử dụng là 37.000.000đ (ba mươi bảy triệu đồng), mục đích để tiêu dùng cá nhân. Việc giao kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/11/2018 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà V là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đã phát sinh hiệu lực.

[3.1.2] Căn cứ Bảng tóm tắt sao kê ngày 18/9/2025 thì trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà V đã thực hiện các giao dịch tính đến ngày 05/7/2021 với tổng số tiền là 355.751.414 (ba trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn bốn trăm mười bốn đồng), phí trễ hạn là 1.688.570đ (một triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi đồng), lãi là 70.297.409đ (bảy mươi triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm lẻ chín đồng), phí là 5.797.450đ (năm triệu bảy trăm chín mượi bảy nghìn bốn trăm năm mươi đồng). Bà V đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền là 342.089.772đ (ba trăm bốn mươi hai triệu không trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi hai đồng). Sau khi trừ các khoản phải thanh toán theo thứ tự thanh toán được quy định tại Điều 20 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S lần lượt là: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ thì số tiền bà V còn nợ tính đến ngày 06/9/2022 là 39.724.206đ (ba mươi chín triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm lẻ sáu đồng). Do bà V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 06/9/2022, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà V và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 39.724.206đ (ba mươi chín triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm lẻ sáu đồng) sang nợ quá hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và quy định

tại Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, buộc bà V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc còn lại là 39.724.206đ (ba mươi chín triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm lẻ sáu đồng).

[3.2] Về yêu cầu bị đơn thanh toán nợ lãi: Căn cứ Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam; mục 1.31 phần giải thích thuật ngữ và Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thì mức lãi suất trong hạn được áp dụng đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/11/2018 là 2.4%/tháng. Mục 1.31 phần giải thích thuật ngữ và Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S quy định lãi suất quá hạn là 150% lãi suất được áp dụng, tương đương 3.6%/tháng (2.4%/tháng x 150%). Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã chuyển số nợ gốc chưa thanh toán là 39.724.206đ (ba mươi chín triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm lẻ sáu đồng) sang nợ quá hạn từ ngày 06/9/2022 và áp dụng mức lãi suất 3.6%/tháng được tính trên số nợ gốc tương ứng với thời gian vi phạm nghĩa vụ thì số nợ lãi quá hạn tính đến ngày 16/9/2025 là 52.769.583đ (năm mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm tám mươi ba đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3.3] Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chỉ yêu cầu bà V có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ai cùng với bà V thực hiện nghĩa vụ dân sự nêu trên. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện mục đích sử dụng khoản vay theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/11/2018 là tiêu dùng cá nhân; đồng thời, không có cơ sở xác định bà V đã sử dụng số tiền vay để phục vụ nhu cầu chung với ai khác nên không có cơ sở để buộc ai phải cùng có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ của bà V.

[4] Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, buộc bà V có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/11/2018 tính đến ngày 16/9/2025 là 92.493.789đ (chín mươi hai triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng), gồm nợ gốc là 39.724.206đ (ba mươi chín triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm lẻ sáu đồng), lãi quá hạn là 52.769.583đ (năm mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm tám mươi ba đồng) và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/9/2025 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2025; Điều 27 của Nghị quyết Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện

của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S nên bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.624.689đ (bốn triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng); Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2025;

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân;

- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017;

- Căn cứ vào Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều các năm 2014, 2018, 2020, 2022, 2024,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc bà Hoàng Thúy V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền còn nợ phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/11/2018 tính đến ngày 16/9/2025 là 92.493.789đ (chín mươi hai triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng), trong đó, nợ gốc là 39.724.206đ (ba mươi chín triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm lẻ sáu đồng) và lãi quá hạn là 52.769.583đ (năm mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm tám mươi ba đồng).

Kể từ ngày 17/9/2025 cho đến khi thi hành án xong, bà Hoàng Thúy V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hoàng Thúy V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.624.689đ (bốn triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.936.952đ (một triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi hai đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0051680 ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân Thành phố Hồ Chí Minh).

Thi hành tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều các năm 2014, 2018, 2020, 2022, 2024 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều các năm 2014, 2018, 2020, 2022, 2024; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều các năm 2014, 2018, 2020, 2022, 2024.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đương sự được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (03);
- Lưu: HSVA, VT (15).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nguyễn Thanh Thùy